

Bản án số: 07/2021/HNGĐ-PT

Ngày 17/12/2021

“*V/v tranh chấp chia tài sản chung
sau khi ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tài Sử;

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Hữu và ông Nguyễn Anh Ứng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thúy – Là Thư ký Toà án nhA dân tỉnh Đăk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Nông tham gia phiên tòa: Bà Vương Thị Bắc - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2021/TL-DSPT ngày 26 tháng 10 năm 2021 về việc “*Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn*”.

Do bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 15/2021/HNGĐ-ST ngày 16/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện K Rông Nô, tỉnh Đăk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 06/2021/QĐ-PT ngày 08 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đào Thị H (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ1, huyện K, Đăk Nông.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Lan P là Luật sư Văn phòng luật sư Kiều Anh, thuộc đoàn luật sư thành phố Hà Nội (vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Bùi Văn N (có mặt).

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ1, huyện K, Đăk Nông.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Vũ Thị L (có mặt);

Địa chỉ: Thôn 3, xã N, huyện C, tỉnh Đăk Nông.

2. Bà Vũ Thị T (vắng mặt);

3. Bà Lê Thị C (vắng mặt);

4. Ông Vũ Văn H1 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Tổ 7, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đăk Lăk.

5. Chị Vũ Hồng L (vắng mặt);

6. Anh Nguyễn Thái A (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

7. Anh Lý Thái N1 (vắng mặt);

8. Chị Trần Thị Thái A1 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Thôn 4, xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

Người được bà Vũ Thị T, bà Lê Thị C, ông Vũ Văn H1, chị Vũ Hồng L, Anh Nguyễn Thái A, Lý Thái N1, chị Trần Thị Thái A1 ủy quyền: Bà Vũ Thị L (có mặt).

Địa chỉ: Thôn 3, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

9. Ông Lê Khắc Đ (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 284/30 đường Võ Văn Kiệt, phường K, thành phố B, Đắk Lắk.

Người kháng cáo: anh Bùi Văn N và bà Vũ Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/12/2017 của chị Đào Thị H và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Chị Đào Thị H và anh Bùi Văn N kết hôn với nhau vào năm 2000. Đến ngày 09/6/2017, được Tòa án nhân dân huyện Krông Nô giải quyết ly hôn theo bản án số 04/2017/HNGĐ-ST. Thời điểm giải quyết ly hôn anh chị chỉ yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn và con chung, còn tài sản chung anh chị tự chia theo biên bản thoả T chia tài sản chung, nợ chung lập ngày 19/4/2017 đến ngày 04/5/2017 chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã Đăk DRô, huyện Krông Nô. Tuy nhiên, sau khi thỏa thuận, chị H đi làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất nhưng anh N không chịu ký giấy tờ để chị H làm thủ tục sang tên. Vì vậy, chị H làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung của chị H và anh N tạo lập được trong thời kỳ hôn nhân, gồm có những tài sản sau:

1. Thửa đất số 31, tờ bản đồ số 43, diện tích 1.410m², Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 943327, đứng tên anh Bùi Văn N, chị Đào Thị H, đất tọa lạc tại: thôn Đăk Tâm, xã Đăk Drô, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

2. Thửa đất số 118, tờ bản đồ số 42, diện tích 991m², Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 331960, đứng tên anh Bùi Văn N, chị Đào Thị H, đất tọa lạc tại: Thôn Đăk Tâm, xã Đăk Drô, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

3. Thửa đất số 119, tờ bản đồ số 42, diện tích 3.418m², Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 331990, đứng tên anh Bùi Văn N, chị Đào Thị H, đất tọa lạc tại: thôn Đăk Tâm, xã Đăk Drô, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

4. Thửa đất số 38, tờ bản đồ số 43, diện tích 11.887m², Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 124385, đứng tên anh Bùi Văn N, chị Đào Thị H, đất tọa lạc tại: thôn Đăk Tâm, xã Đăk Drô, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

5. Thửa đất số 44, tờ bản đồ số 42, diện tích 1.948m², Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 331945, đứng tên anh Lê Khắc Đ, chị Cao Thị T, đất tọa lạc tại: thôn Đăk Tâm, xã Đăk Drô, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

01 căn nhà xây diện tích 200m² nằm trên hai thửa đất số 119 và 118 tờ bản đồ số 42 tại: thôn Đăk Tâm, xã Đăk Drô, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

Quá trình giải quyết vụ án, chị H có nguyện vọng xin được nhận 02 thửa đất số 31, tờ bản đồ số 43, diện tích 1.410 m² và thửa đất số 38, tờ bản đồ số 43, diện tích 11.887m² và toàn bộ tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất. Các thửa đất còn lại và toàn bộ tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất trong đó có căn nhà xây diện tích khoảng 200m² giao cho anh N được quyền sở hữu và sử dụng.

Riêng đối với thửa đất số 44, tờ bản đồ số 42, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 331945, diện tích 1.948m² và tài sản gắn liền với đất, đứng tên anh Lê Khắc Đ, chị Cao Thị T thì chị H có đơn xin rút không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với thửa đất này.

Về nợ chung: Chị H và anh N không có nợ chung nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Bùi Văn N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, con chung đã được Tòa án nhân dân huyện Krông Nô giải quyết như chị H trình bày là đúng. Tuy nhiên, anh N chỉ thừa nhận tài sản chung gồm có thửa đất số 118, tờ bản đồ số 42, diện tích 991m²; thửa đất số 119, tờ bản đồ số 42, diện tích 3.418m² và thửa đất số 44, tờ bản đồ số 42, diện tích 1.948m², anh N đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Đối với 02 thửa đất số 31, tờ bản đồ số 43, diện tích 1.410 m² và thửa đất số 38, tờ bản đồ số 43, diện tích 11.887m² có nguồn gốc là do bà Vũ Thị L (mẹ anh N) đưa tiền cho anh N mua đất, bà chỉ cho mượn để anh N và chị H làm ăn, nay anh chị đã ly hôn thì bà L yêu cầu anh chị phải trả lại 02 thửa đất này cho bà.

Đối với 01 căn nhà diện tích 200m² nằm trên hai thửa đất số 119 và 118 nguồn Tiền làm nhà do anh N tự vay để làm, trong thời gian chị H bỏ nhà đi nên đây không phải là tài sản chung, nếu chị H yêu cầu chia nhà thì phải có nghĩa vụ trả nợ chung gồm các khoản nợ sau:

Nợ bà Vũ Thị L 100.000.000 đồng; nợ bà Lê Thị C 200.000.000 đồng; nợ anh Lý Thái N1, chị Trần Thị Thái A1 100.000.000 đồng; nợ bà Vũ Thị T 250.000.000 đồng; nợ chị Vũ Hồng L, anh Nguyễn Thái A 200.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị L trình bày:

Anh N, chị H (là con trai và con dâu của bà). Năm 2001, khi anh N và chị H ra ở riêng thì bà có đưa cho anh N số tiền 12.000.000 đồng để mua 02 thửa đất số 31, tờ bản đồ số 43, diện tích 1.410 m² và thửa đất số 38, tờ bản đồ số 43, diện tích 11.887m² đều được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên anh N, chị H. Nay anh N, chị H đã ly hôn bà yêu cầu anh N, chị H phải trả lại 02 thửa đất này cho bà. Ngoài ra vào ngày 25/12/2014, bà có cho anh Bùi Văn N vay 100.000.000 đồng để làm nhà, anh N thỏa thuận sau 05 năm sẽ trả. Nay bà yêu cầu anh N, chị H phải trả cho bà số tiền 100.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị C và ông Vũ Văn H1 trình bày:
Ông H1 là cậu ruột của anh N. Vào ngày 08/12/2014, ông bà có cho anh Bùi Văn N vay 200.000.000 đồng để xây nhà, anh N thỏa thuận sau 03 năm, tức là ngày 08/12/2017 sẽ

trả, không tính lãi suất. Nay ông C, bà H1 yêu cầu anh N, chị H phải có nghĩa vụ trả cho ông bà số tiền 200.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lý Thái N1 trình bày: Vào ngày 29/11/2014, anh có cho anh Bùi Văn N vay 100.000.000 đồng, mục đích cho vay là để xây nhà. Anh N thỏa thuận đến ngày 25/11/2016 sẽ trả, nhưng đến nay vẫn chưa trả. Nay anh yêu cầu anh N, chị H phải có nghĩa vụ trả cho anh số tiền 100.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị T trình bày: Vào ngày 25/12/2014, anh Bùi Văn N có vay của bà số tiền 250.000.000 đồng để xây nhà, anh N thỏa thuận đến ngày 25/12/2016 sẽ trả, nhưng đến nay vẫn chưa trả. Nay bà T yêu cầu anh N, chị H phải có nghĩa vụ trả cho bà số tiền 250.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Vũ Hồng L và anh Nguyễn Thái A trình bày: Vào ngày 10/12/2014, anh Bùi Văn N có vay của chị 200.000.000 đồng để xây nhà, anh N thỏa thuận sau 03 năm sẽ trả, nhưng đến nay vẫn chưa trả. Nay anh chị yêu cầu anh N, chị H phải có nghĩa vụ trả cho anh chị số tiền 200.000.000 đồng.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị Hồng trình bày: Vào các năm từ năm 2013 đến năm 2015 anh N, chị H nhiều lần bán cho bà Hồng tiêu, cà phê, điều. Khi bán có lần thì anh N nhận tiền, có lần thì chị H nhận tiền. Thời gian đã lâu sổ sách không còn nên bà Hồng không nhớ chính xác là đã mua số lượng cà phê, tiêu, điều của anh N, chị H là bao nhiêu. Bà Hồng có xác nhận về việc bà có mua cà phê, tiêu, điều của anh N, chị H.

Tại Bản án số 18/2020/HNGĐ-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện K Rông nô đã Tuyên xử: Chia cho chị H thửa đất số 31 và thửa đất số 38 tờ bản đồ số 43 có diện tích tứ cận kèm theo. Chia cho anh N thửa đất số 118, thửa đất số 119 và thửa đất số 44 tờ bản đồ 43 có diện tích tứ cận kèm theo. Anh N phải chịu trách nhiệm trả toàn bộ nợ vay.

Tại Bản án số 01/2021/DSPT ngày 14/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông đã hủy bản án số 18/2020/HNGĐ-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện K Rông Nô để giải quyết lại.

Tại bản án số: 15/2021/HNGĐ-ST ngày 16/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện K Rông nô đã căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 235, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 29, Điều 33, Điều 37, Điều 39, Điều 59, Điều 60, Điều 62 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thị H.

1. Tuyên hủy Biên bản thỏa thuận chia tài sản chung, nợ chung của anh Bùi Văn N và chị Đào Thị H lập ngày 19/4/2017, có xác nhận của Tòa án nhân dân

huyện Krông Nô ngày 19/4/2017 và chứng thực của Ủy ban nhân dân xã Đăk Drô, huyện Krông Nô, tỉnh Đăk Nông vào ngày 04/5/2017.

2. Giao cho chị Đào Thị H được quản lý và sử dụng các tài sản sau:

2.1. Thửa đất số 05, tờ bản đồ số 42 (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa đất số 38, tờ bản đồ số 43); tứ cận kèm theo và tài sản trên đất.

2.2. Thửa đất số 04, tờ bản đồ số 42 (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa đất số 31, tờ bản đồ số 43), tứ cận kèm theo và tài sản trên đất.

Chị Đào Thị H được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục về quyền sở hữu tài sản đối với thửa đất được giao sử dụng theo quy định của pháp luật.

3. Giao cho anh Bùi Văn N được quản lý và sử dụng các tài sản sau:

3.1. Thửa đất số 01, tờ bản đồ số 42 (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa đất số 118 tờ bản đồ số 42), tứ cận kèm theo và tài sản trên đất.

3.2. Thửa đất số 02, tờ bản đồ số 42 (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa đất số 119 tờ bản đồ số 42), tứ cận kèm theo và tài sản trên đất.

Anh Bùi Văn N được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục về quyền sở hữu tài sản đối với thửa đất được giao sử dụng theo quy định của pháp luật.

4. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thị H đối với yêu cầu chia tài sản chung là QSDĐ đối với thửa đất số 44, tờ bản đồ số 42, Giấy chứng nhận QSDĐ số AH 331945, diện tích 1.948m² và tài sản gắn liền với đất, đứng tên Lê Khắc Đ, Cao Thị Tiến, đất tọa lạc tại: thôn Đăk Tâm, xã Đăk Drô, huyện Krông Nô, Đăk Nông.

5. Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Vũ Thị L, bà Lê Thị C, ông Vũ Văn H1, anh Lý Thái N1, bà Vũ Thị T, chị Vũ Hồng L, anh Nguyễn Thái A. Buộc anh Bùi Văn N phải có trách nhiệm thanh toán cho bà Vũ Thị L số tiền 100.000.000 đồng, bà Lê Thị C và ông Vũ Văn H1 với số tiền 200.000.000 đồng; Anh Lý Thái N1 số tiền 100.000.000 đồng; Bà Vũ Thị T số tiền là 250.000.000 đồng; Chị Vũ Hồng L và anh Nguyễn Thái A số tiền là 200.000.000 đồng.

6. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Vũ Thị L về việc yêu cầu Tòa án buộc chị H, anh N phải trả lại tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 38, tờ bản đồ số 43, Giấy chứng nhận QSDĐ số CI 124385, diện tích 11.887m² và thửa đất số 31, tờ bản đồ số 43 với diện tích 1.410 m².

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21/9/2021 anh Bùi Văn N và bà Vũ Thị L kháng cáo bản án sơ thẩm. Anh Bùi Văn N đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chia đôi tài sản chung và nợ chung; buộc chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Bà Vũ Thị L kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu độc lập của bà và yêu cầu độc lập của những người bà đại diện theo ủy quyền, buộc anh N, chị H trả lại 02 thửa đất số 31, tờ bản đồ số 43, diện tích 1.410 m² và thửa đất số 38, tờ bản đồ số 43, diện tích 11.887m² đều được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên anh N, chị H. Trả cho bà Lê Thị C, ông Vũ Văn H1 200.000.000 đồng; Anh Lý Thái

N1, chị Trần Thị Thái A1 100.000.000 đồng; Bà Vũ Thị T 250.000.000 đồng; Chị Vũ Thị Hồng L, anh Nguyễn Thái A 200.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo nội dung kháng cáo của anh N và bà L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Sau khi nêu nội dung, đánh giá các chứng cứ, đại diện Viện kiểm sát cho rằng cấp sơ thẩm hủy thỏa thuận chia tài sản nhưng không đưa Ủy ban nhân dân xã Đăk Drô tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự hủy bản án sơ thẩm số 15/2021/HNGĐ-ST ngày 16/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện K Rông Nô. Chuyển hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân huyện K Rông Nô giải quyết lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Bùi Văn N, bà Vũ Thị L làm trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của anh N, bà L, Hội đồng xét xử xét thấy:

Anh N và chị H kết hôn năm 2000. Tại Bản án số 04/2017/HNGĐ-ST ngày 09/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện K'ông Nô đã giải quyết hôn nhân và con chung. Phần tài sản chung và nợ chung chưa giải quyết (BL 31-35).

[2.1]. Về tài sản chung và nợ chung: Khi giải quyết về hôn nhân, ngày 19/4/ 2017 anh N và chị H đã lập biên bản thỏa thuận chia tài sản chung, nợ chung, cụ thể chị H được nhận thửa đất số 38, tờ bản đồ số 43. Anh N được nhận các thửa đất gồm thửa số 119, 118, 44, 31 tờ bản đồ số 43 và căn nhà nằm trên thửa đất số 118, 119 tờ bản đồ số 43. Phần nợ Ngân hàng mỗi người chịu 100.000.000 đồng. Số tiền nợ 1.250.0000.0000 đồng anh N chịu trách nhiệm trả, chị H không chịu trách nhiệm, có xác nhận của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô và chứng thực của UBND xã Đăk DRô, huyện Krông Nô (BL 36).

Do anh N không thực hiện nội dung biên bản thỏa thuận nên chị H khởi kiện yêu cầu chia tài sản sau ly hôn.

[2.2]. Thửa đất số 38 và thửa đất số 31, tờ bản đồ số 43 chị H, anh N, bà L đều xác định: Do anh N và chị H chuyển nhượng sau khi kết hôn, số tiền chuyển nhượng là của bà L cho. Ủy ban nhân dân huyện Krông Nô cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Bùi Văn N, Đào Thị H. Căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân gia đình năm 2000 đây là tài sản chung của vợ chồng hình thành trong thời kỳ hôn

nhân. Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của anh N và bà L giao hai thửa đất này cho chị H là có căn cứ đúng pháp luật.

[2.3]. Đối với nội dung kháng cáo của anh N về việc buộc chị H phải có trách nhiệm phụ cấp nuôi 03 con chung, vì hiện nay 03 con chung cùng ở với anh N. Hội đồng xét xử thấy trong quá trình giải quyết sơ thẩm các đương sự chỉ yêu cầu trong phạm vi chia tài sản, không yêu cầu góp tiền nuôi con chung. Nay anh N kháng cáo yêu cầu chị H phải góp tiền nuôi con chung, Hội đồng xét xử hướng dẫn anh N có quyền khởi kiện bằng vụ án khác, Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[2.4]. Xét yêu cầu kháng cáo của bà Vũ Thị L và anh Bùi Văn N về yêu cầu chị H phải cùng chịu trách nhiệm chung trong trả nợ cho bà L, ông H1, bà C, anh N1, chị L, anh A. Các khoản nợ này anh N, bà L khai vợ chồng anh N, chị H vay xây dựng nhà năm 2014, thời điểm này chị H đã bỏ nhà đi một thời gian nên anh N phải vay tiền hoàn thiện việc xây nhà.

Chị H thừa nhận khi xây nhà xong phần móng có bỏ nhà đi là do anh N đánh nhưng chỉ đi hơn 01 tháng.

Tại phiên tòa anh N và chị H đều xác định căn nhà xây dựng trị giá khoảng gần 1,2 tỷ. Chị H khai trước khi xây nhà vợ chồng có 03 tấn cà phê nhân giá khoảng 40 triệu/tấn, vay Ngân hàng số tiền 200.000.000 đồng. Như vậy vợ chồng chỉ có khoảng 320 triệu đồng trước khi làm nhà, còn lại phải vay mượn. Mặt khác Biên bản thỏa thuận chia tài sản chung, nợ chung lập ngày 19/4/2017 hai bên đã xác định nợ chung chị H chỉ nhận thửa đất số 38, anh N nhận 04 thửa đất còn lại và có trách nhiệm trả nợ 1.250.000.000 đồng (BL 36). Cấp sơ thẩm chưa đánh giá chứng cứ đầy đủ toàn diện nên buộc anh N trả nợ riêng là không thỏa đáng. Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh N, bà L sửa bản án sơ thẩm nội dung này, buộc chị Đào Thị H phải cùng có trách nhiệm chung trả nợ vay cùng anh Bùi Văn N.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông đề nghị hủy bản án do không đưa Ủy ban nhân dân xã Đăk Drô vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Hội đồng xét xử thấy rằng các đương sự lập thỏa thuận chia tài sản chung, nợ chung nhưng không thực hiện nên khởi kiện yêu cầu Tòa án phân chia, có nghĩa là các bên đã tự chấm dứt thỏa thuận, đương sự không yêu cầu tuyên hủy thỏa thuận này, án sơ thẩm tuyên hủy biên bản thỏa thuận là không cần thiết. Mặt khác việc chấm dứt thỏa thuận không ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của Ủy ban nhân dân xã Đăk Drô. Do đó, không cần đưa Ủy ban nhân dân xã Đăk Drô tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do nghĩa vụ trả nợ được chia đôi nên chị H phải chịu án phí DSST đối với khoản nợ này.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên anh N, bà L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh Bùi Văn N, bà Vũ Thị L. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 48/2021/DS-ST ngày 30/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện K Rông Nô về phần trả nợ chung và án phí.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 235, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 29, Điều 33, Điều 37, Điều 39, Điều 59, Điều 60, Điều 62 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thị H.

1. Giao cho chị Đào Thị H được quản lý và sử dụng các tài sản sau:

1.1. Thửa đất số 05, tờ bản đồ số 42 diện tích 15.376.7m² (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa đất số 38, tờ bản đồ số 43), thửa đất có các cạnh tiếp giáp như sau:

- Phía Đông giáp đất ông Bùi Văn N gồm các điểm 1-14, có cạnh dài 124.15m;

- Phía Tây giáp đất anh Bùi Văn N, chị Đào Thị H; giáp đường bê tông gồm các điểm 6-7-8-9-10, có cạnh dài 244.67m;

- Phía Nam giáp đường đất gồm các điểm 10-11-12-13-14, có cạnh dài 114.23m;

- Phía Bắc giáp đất ông V, ông T, ông Nc gồm các điểm 1-2-3-4-5-6, có cạnh dài 154.80m.

* Về cây trồng trên đất: Cà phê là cây trồng chính, hồ tiêu là cây trồng xen.

- Hồ tiêu kinh doanh từ năm thứ 03 trở đi loại A 108 cây;

- Hồ tiêu kinh doanh từ năm thứ 03 trở đi loại B 26 cây;

- Cà phê kinh doanh từ năm thứ 6 đến năm thứ 25 loại A 1145 cây.

- Cà phê kinh doanh từ năm thứ 6 đến năm thứ 25 loại B 575 cây;

Cây keo trồng hồ tiêu 134 cây.

Tổng giá trị tài sản trên đất là: 563.463.474 đồng.

Tổng giá trị tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có giá trị là: 495.129.740 đồng + 563.463.474 đồng = **1.058.593.214** đồng.

2.2. Thửa đất số 04, tờ bản đồ số 42 diện tích 1340,5m² (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa đất số 31, tờ bản đồ số 43), thửa đất có các cạnh tiếp giáp như sau:

- Phía Đông giáp đất anh Bùi Văn N, chị Đào Thị H gồm các điểm 1-2, có cạnh dài 107.70m;

- Phía Tây giáp đường bê tông gồm các điểm 3-4-5-6-7, có cạnh dài 106.25m;

- Phía Nam giáp đất anh Bùi Văn N, chị Đào Thị H gồm các điểm 1-7, có cạnh dài 17.00m;

- Phía Bắc giáp đất anh Bùi Văn N, chị Đào Thị H gồm các điểm 2-3, có cạnh dài 10.00m.

* *Về cây trồng trên đất:* Cà phê là cây trồng chính, hồ tiêu là cây trồng xen.

- Hồ tiêu kinh doanh từ năm thứ 03 trở đi loại A 42 cây;

- Hồ tiêu kinh doanh từ năm thứ 03 trở đi loại B 09 cây;

- Cà phê kinh doanh từ năm thứ 6 đến năm thứ 25 loại A 103 cây;

- Cà phê kinh doanh từ năm thứ 6 đến năm thứ 25 loại B 14 cây;

- Cây keo trồng hồ tiêu 51 cây;

Tổng giá trị tài sản trên đất là: 55.782.922 đồng.

Tổng giá trị tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có giá trị là: 43.164.100 đồng + 55.782.922 đồng = 98.947.022 đồng.

Tổng giá trị tài sản mà chị H được nhận là 1.058.593.214 đồng + 98.947.022 đồng = 1.157.540.263 đồng.

Chị Đào Thị H được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục về quyền sở hữu tài sản đối với thửa đất được giao sử dụng theo quy định của pháp luật.

2. Giao cho anh Bùi Văn N được quản lý và sử dụng các tài sản sau:

3.1. Thửa đất số 01, tờ bản đồ 42 diện tích 948.1m² (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa đất số 118 tờ bản đồ số 42), đất có các cạnh tiếp giáp như sau:

- Phía Đông giáp đất Phạm Bá Vinh gồm các điểm 1-6-5, có cạnh dài 171m;

- Phía Tây giáp đất anh Bùi Văn N, chị Đào Thị H gồm các điểm 2-3-4, có cạnh dài 174.84m;

- Phía Nam giáp đất anh Bùi Văn N, chị Đào Thị H gồm các điểm 4-5, có cạnh dài 5.60m;

- Phía Bắc giáp đường liên xã gồm các điểm 1-2, có cạnh dài 6.53m.

* *Về cây trồng trên đất:* Hồ tiêu là cây trồng chính, cà phê là cây trồng xen.

- Hồ tiêu kinh doanh từ năm thứ 3 trở đi loại A 74 cây;

- Hồ tiêu kinh doanh từ năm thứ 3 trở đi loại B 18 cây;

- Cà phê kinh doanh từ năm thứ 6 đến năm thứ 25 loại A 36 cây;

- Cây keo trồng hồ tiêu 92 cây có giá là 1.851.187 đồng.

Tài sản trên đất có giá là 63.429.947 đồng.

Tổng cộng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có giá trị là: 30.528.820 đồng + 63.429.947 đồng = 93.958.767 đồng.

3.2. Thửa đất số 02, tờ bản đồ 42 diện tích 3363.3m² (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa đất số 119 tờ bản đồ số 42), thửa đất có các cạnh tiếp giáp như sau:

- Phía Đông giáp đất anh Bùi Văn N, chị Đào Thị H gồm các điểm 1-11-10, có cạnh dài 168.31m;

- Phía Tây giáp đường bê tông gồm các điểm 2-3-4-5-6-7-8, có cạnh dài 160.58m;

- Phía Nam giáp đất anh Bùi Văn N, chị Đào Thị H gồm các điểm 8-9-10, có cạnh dài 20.25m;

- Phía Bắc giáp đường liên xã gồm các điểm 1-2, có cạnh dài 20.40m.

* Về cây trồng trên đất:

Hồ tiêu là cây trồng chính, cà phê là cây trồng xen.

- Hồ tiêu kinh doanh từ năm thứ 03 trở đi loại A 219 cây;

- Hồ tiêu kinh doanh từ năm thứ 03 trở đi loại B 96 cây;

- Cà phê kinh doanh từ năm thứ 6 đến năm thứ 25 loại A 111 cây;

- Cà phê kinh doanh từ năm thứ 6 đến năm thứ 25 loại B 37 cây;

- Cây keo trồng hồ tiêu: 315 cây;

Tổng giá trị tài sản là quyền sử dụng đất và cây trồng trên đất có giá là: 108.298.260 đồng + 216.252.504 đồng = 324.550.764 đồng.

* Về công trình trên đất tại thửa đất số 118, 119 tờ bản đồ số 42 gồm:

- Một nhà xây dựng năm 2014, diện tích xây dựng 244 m², (nhà xây trên một phần thửa đất số 01 và một phần thửa đất số 02) Giá trị còn lại: 649.068.000 đồng.

- Sân bê tông 571 m² có giá là 77.432.000 đồng.

- Tường rào sắt thoáng dài 26m có giá là 29.216.000 đồng.

- Giếng khoan sâu 60 m (đã hết khấu hao).

- Lò sấy 23.22m có giá là 30.000.000 đồng.

- 01 bình nóng lạnh 160 lít, hiệu CleanpoWe Solar PoWer có giá là 5.625.000 đồng.

- 01 bồn nước 2.000 lít, hiệu Sơn Hà có giá là 2.250.000 đồng.

Tổng giá trị công trình trên đất và các tài sản khác: 793.591.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản mà anh N được nhận: **793.591.000 đồng + 324.550.764 đồng + 93.958.767 đồng = 1.212.100.531 đồng.**

Anh Bùi Văn N được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục về quyền sở hữu tài sản đối với thửa đất được giao sử dụng theo quy định của pháp luật.

4. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thị H đối với yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 44, tờ bản đồ số 42, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 331945, diện tích 1.948m² và tài sản gắn liền với đất, đứng tên Lê Khắc Đ, Cao Thị Tiến, đất tọa lạc tại: thôn Đắc Tâm, xã Đắc Drô, huyện Krông Nô, Đắc Nông.

5. Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Vũ Thị L, bà Lê Thị C, ông Vũ Văn H1, anh Lý Thái N1, bà Vũ Thị T, chị Vũ Hồng L, anh Nguyễn Thái A.

Buộc anh Bùi Văn N và chị Đào Thị H phải có trách nhiệm thanh toán cho bà Vũ Thị L số tiền 100.000.000 đồng (anh N trả 50.000.000 đồng, chị H trả 50.000.000 đồng); trả cho bà Lê Thị C và ông Vũ Văn H1 với số tiền 200.000.000 đồng (anh N trả 100.000.000 đồng, chị H trả 100.000.000 đồng); trả cho anh Lý Thái N1 số tiền 100.000.000 đồng (anh N trả 50.000.000 đồng, chị H trả 50.000.000 đồng); trả cho bà Vũ Thị T số tiền là 250.000.000 đồng (anh N trả 125.000.000 đồng, chị H trả 125.000.000 đồng); trả cho chị Vũ Hồng L và anh Nguyễn Thái A số tiền là 200.000.000 đồng (anh N trả 100.000.000 đồng, chị H trả 100.000.000 đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải

trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

6. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Vũ Thị L về việc yêu cầu Tòa án buộc chị H, anh N phải trả lại tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 38, tờ bản đồ số 43, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 124385, diện tích 11.887m² và thửa đất số 31, tờ bản đồ số 43 với diện tích 1.410 m².

7. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 15.037.728 đồng, mỗi bên phải chịu ½ là 7.518.684 đồng. Số tiền trên do chị Đào Thị H đã nộp tạm ứng trước nên anh Bùi Văn N phải thanh toán lại cho chị Đào Thị H 7.518.684 đồng.

8. Về án phí: Buộc chị Đào Thị H phải chịu 59.476.207 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp 19.000.000 đồng theo biên lai số 0003111 ngày 20/12/2018 và biên số 0003173 ngày 28/02/2019 tại chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Nô. Chị Đào Thị H còn phải nộp thêm 40.476.207 đồng

Anh Bùi Văn N phải nộp số tiền 61.113.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm

Hoàn trả lại cho bà Vũ Thị L, bà Vũ Thị T, bà Lê Thị C, ông Vũ Văn H1, anh Nguyễn Thái A, chị Vũ Hồng L, anh Lý Thái N1, chị Trần Thị Thái A1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 23.750.000 đồng theo biên lai số 0000824, ngày 23/5/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Nô (do bà Vũ Thị L nộp).

Bà Vũ Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu độc lập không được chấp nhận là 300.000 đồng. Tuy nhiên, bà L trên 60 tuổi có đơn xin miễn án phí được Ủy ban nhân dân xã Nam Dong, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông xác nhận. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2 của Luật người cao tuổi. Do đó bà Vũ Thị L được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

9. Về án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho anh Bùi Văn N và bà Vũ Thị L mỗi người 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp, theo biên lai số 0003006 và 0003005 ngày 07/10/2021, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô, Đắk Nông.

Hoàn trả lại cho bà Vũ Thị T, anh Lý Thái N1, chị Trần Thị Thái A1, ông Vũ Văn H1, bà Lê Thị C, anh Nguyễn Thái A, chị Vũ Hồng L mỗi người 300.000 đồng theo biên lai số 0003015; 0003014; 0003013; 0003012; 0003011; 0003010; 0003009 ngày 08/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô, Đắk Nông.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

10. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện K nông Nô;
- Chi cục THADS huyện K ;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Nguyễn Tài Sử

